

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VĂN HỌC VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG
(VĂN HỌC TRUNG ĐẠI)

Giảng viên: TS. Trần Thanh Thủy
Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi

CẤU TRÚC HỌC PHẦN



Khái quát văn học trung đại Việt Nam



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ X - hết thế kỷ XIV



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ XV - thế kỷ XVII



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX



Văn học Việt Nam
giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (2000), *Văn học VN thế kỷ X- nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.



Nguyễn Lộc (2005), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XVIII-hết thế kỷ XIX)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.



Trần Đình Hượu (2007), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.



Trần Nho Thìn (2012), *Văn học VN từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.



Trần Ngọc Vương (Chủ biên, 2007), *Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIX: Những vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

KHÁI QUÁT

VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Khái niệm

Phạm vi (thời gian + không gian)

Tiền đề của VHTĐ

Đặc trưng của VHTĐ

I. KHÁI NIỆM

Văn học cổ

Văn học cổ điển

Văn học VN từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX

Văn học phong kiến

Văn học trung đại

Văn học trung đại

- **Trung đại**

- Không có hàm ý như khái niệm Trung cổ (thời kỳ tăm tối, bảo thủ, phản động)
- Gọi hàm ý so sánh với khái niệm “hiện đại”
=> đặc trưng có tính loại hình của văn học trung đại vốn mang đặc điểm của văn học phương Đông (truyền thống) so với văn học hiện đại vốn là sản phẩm của giao lưu văn hóa, văn học Đông – Tây (quốc tế hóa).

- **Văn học**

- (Ở Việt Nam và Trung Quốc) “Văn”, “văn học”, “văn chương”: đều chỉ 1 phạm vi rất rộng, chưa bao giờ trở thành từ chuyên dùng để chỉ văn học nghệ thuật như ta hiểu ngày nay.
- “Văn”: chỉ chung văn chương, học vấn, giáo dục, văn hóa (Bản chất văn chương vốn từ học vấn mà ra, học vấn uyên bác thì văn mới hay)
- VHTĐ/Văn chương TĐ bao gồm cả văn chương chức năng và văn chương nghệ thuật

II. PHẠM VI THỜI GIAN

Thời gian mở đầu

- “Văn học viết của dân tộc ta chỉ có thể thực sự trở thành một dòng bên cạnh VHĐG trong điều kiện nhà nước phong kiến độc lập. Sự ra đời và phát triển của văn học viết có liên quan chặt chẽ với nghìn năm lịch sử của nước Đại Việt”

(GS. Đinh Gia Khánh)

=> Cách xác định thời điểm ra đời của văn học viết dựa trên 2 yếu tố: vừa phải có **văn học viết**, vừa phải có **sự tồn tại của quốc gia – dân tộc**.

Tác phẩm mở đầu

- 預大破弘操之計, Dự đại phá Hoảng Thao chi kế (Ngô Quyền, 938)
- 南國山河, Nam quốc sơn hà (Thơ thần, khoảng 981/ Lý Thường Kiệt, 1077)
- 遷都詔, Thiên đô chiếu/ Thủ chiếu (Lý Công Uẩn, 1010)
- 伐宋露布文, Phạt Tống lộ bố văn (Lý Thường Kiệt, 1075-1076)
- 國祚, Quốc tộ/ Đáp quốc vương quốc tộ chi vấn (Đỗ Pháp Thuận, 981)

Thời gian kết thúc

➤ **Quan điểm:** Thời gian kết thúc VHTĐ trùng khớp với thời bắt đầu của VHHĐ

⇒ Tính chất tương đối

➤ **Nguyên lý:**

- ✓ Sự ra đời, vận động, phát triển và tàn lụi của bất cứ hiện tượng VH nào cũng là cả một quá trình không dễ làm 1 nhát cắt niên đại đơn giản.
- ✓ Để phân định ranh giới, cần có tiêu chí, cần nhìn vào xu hướng chung có tính chất quy luật chi phối cả thời đại chứ ko chỉ nhìn vào những biểu hiện đơn lẻ, riêng rẽ, không tiêu biểu.

(1) VHHĐ bắt đầu với sự *kết thúc kiểu VH của các tác giả nho sĩ “truyền thống”*, với ý thức của chính người Việt tiếp nhận quá trình quốc tế hóa, Tây phương hóa

Mốc ra đời Duy tân hội (1905) hay sự thành lập Đông Kinh nghĩa thực (1907) như là khởi điểm của VHHĐ

(2) Nếu tính đến công cuộc HĐH đã có một số dấu hiệu khởi đầu tại Nam Kỳ từ những thập niên cuối XIX – đầu XX: chuyển dịch mốc HĐH lên nửa cuối thế kỷ XIX, khi 1 kiểu tác giả mới là các giáo sĩ người Việt xuất hiện?

Thầy Lazaro Phienne (1887) của Nguyễn Trọng Quản: mốc khởi đầu của VHHĐ VN

(3) Nếu xét VHHĐ như là sản phẩm của đời sống hiện đại, có tác động đến đời sống hiện đại, theo thi pháp, thể loại hiện đại trên phạm vi toàn quốc, chữ quốc ngữ được sử dụng rộng rãi trong toàn cộng đồng chứ không riêng trong nội bộ những người Công giáo

Mốc đầu thế kỷ XX

III. PHẠM VI KHÔNG GIAN

- Không gian địa - văn hóa, văn học trung đại: *song hành với quá trình mở rộng lãnh thổ về phía Nam của dân tộc Việt.*
- Những thế kỷ đầu: phạm vi không gian của VHTĐ chủ yếu giới hạn trong khu vực Thăng Long và các tỉnh quanh Thăng Long (tứ trấn)
=> nên văn học mang tính chức năng, chính thống, quan phương, sau đó mới dần thể tục hóa, dân chủ hóa
- Địa lý VH mở dần về phía Nam: trung tâm VH Thuận – Quảng, Gia Định, Hà Tiên...
=> 1802: bản đồ phân bố văn học VN dần thể hiện sự tương đối đồng đều giữa các vùng miền
=> Cuối XIX: không gian văn học VN dần vào quỹ đạo nhất thể hóa theo bản đồ địa lý toàn quốc.

- **Tóm lại:**

- Văn học trung đại Việt Nam là các tác phẩm **văn học viết** được xác định trong **khoảng thời gian từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX**.
- Lịch sử văn học là một **quá trình liên tục** giữa các giai đoạn có **tính kế thừa** và **tính liên tục**, nên việc phân kỳ văn học sử của nhà nghiên cứu chỉ có tính tương đối.

PHÂN KỲ LỊCH SỬ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ X - hết thế kỷ XIV



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ XV - thế kỷ XVII



Văn học Việt Nam
giai đoạn thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX



Văn học Việt Nam
giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

IV. MỘT SỐ TIỀN ĐỀ CƠ BẢN CỦA VHTĐVN

(1) Văn học dân gian

- ✓ Văn học viết ở Việt Nam *không ra đời* trên cơ sở văn học dân gian.
- ✓ Yếu tố dân gian *tác động mạnh* vào văn học viết là trong *quá trình trưởng thành*, nhất là trong việc tạo ra các điển phạm mang tính dân tộc.

(2) Văn học Trung Quốc

- ✓ Ở giai đoạn đầu (của nền văn học viết), văn học Trung Quốc có ảnh hưởng toàn diện và to lớn: lý luận và quan niệm văn học; chủ đề, đề tài và hình tượng; thủ pháp nghệ thuật và cảm hứng, thị hiếu; ngôn ngữ và thể loại.
- ✓ Văn học Việt Nam vận động khá lâu dài trên những tiêu điểm và quỹ đạo của *văn học khu vực Đông Á*

(3) VHTĐ gắn liền với sự ra đời của nhà nước ĐV độc lập

(4) Chữ viết: Chữ Hán – chữ Nôm

(5) Lực lượng sáng tác: trùng khớp với tầng lớp trí thức

(6) Vai trò của khoa cử đối với văn chương

V. ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Cơ sở làm nên đặc trưng của VHTĐVN



Tư duy văn học thời trung đại



Một phần trong tư duy thẩm mỹ của người phương
Đông cổ đại

Tư duy phương Đông

Tư duy tổng hợp

Làm thơ, viết văn theo lối trữ tình

Văn học trung đại

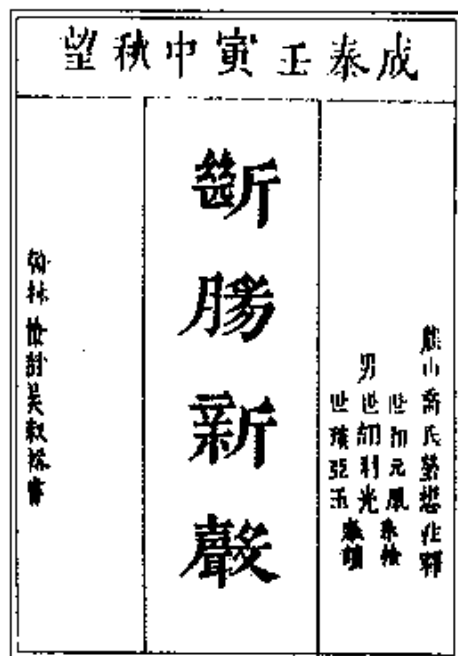
Tư duy phương Tây

Tư duy phân tích

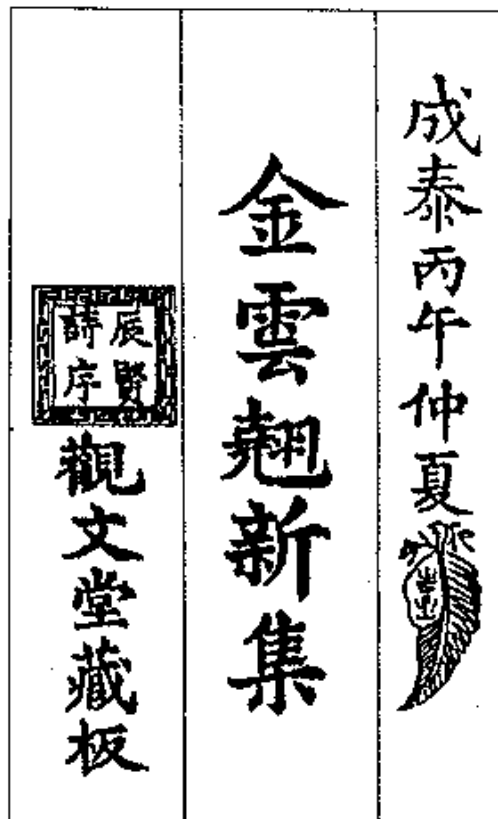
Văn xuôi

Văn học hiện đại

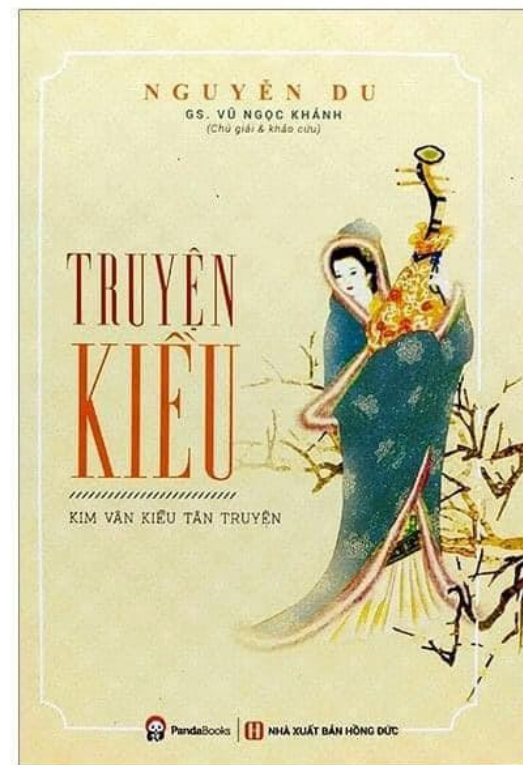
- Sự khác nhau giữa TD tổng hợp và TD phân tích: sự khác nhau giữa VHTĐ và VHHTĐ



1902



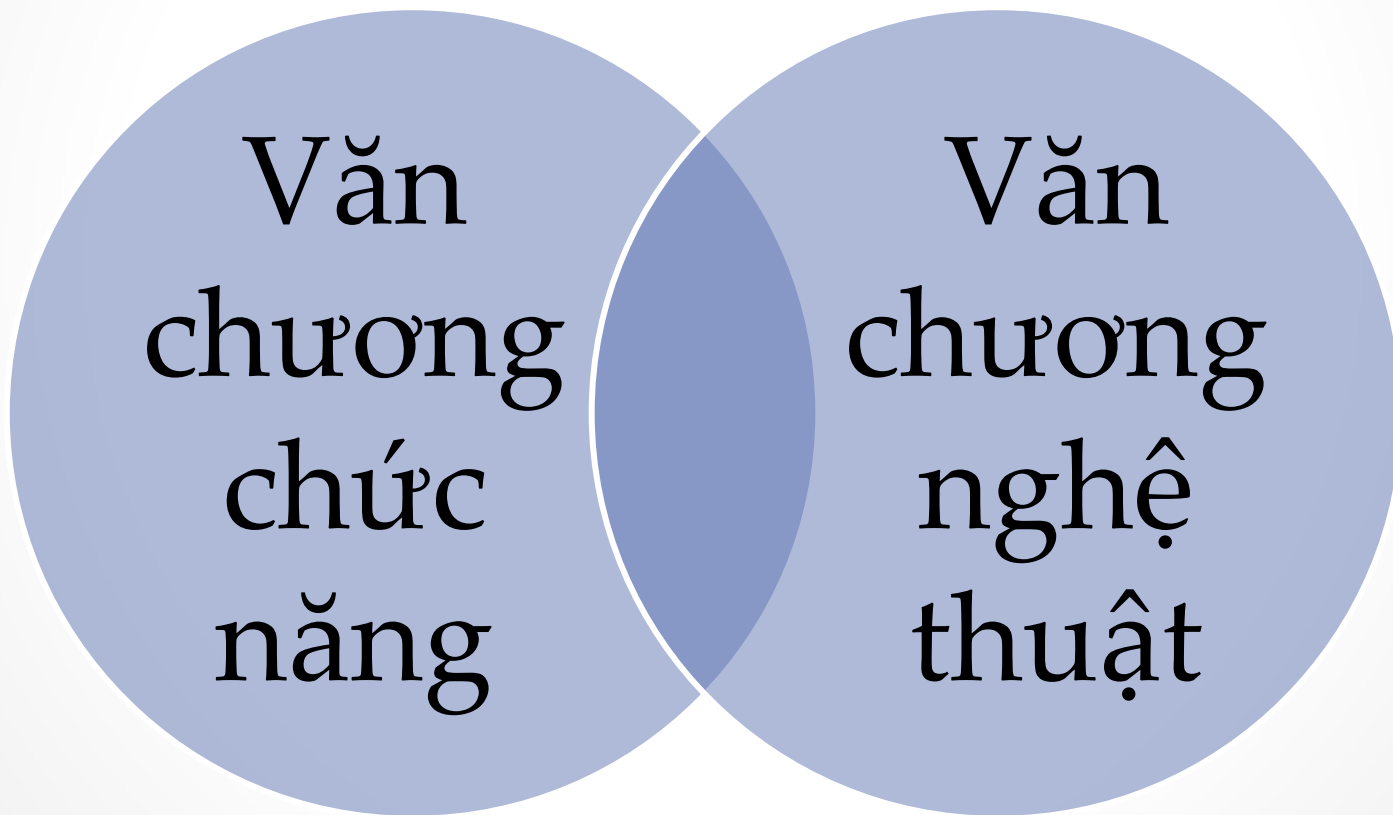
1906



2019

1. Tính chất nguyên hợp

❖ **Thể loại:** Sự **pha trộn** giữa văn chương chức năng và văn chương nghệ thuật (VD: Thơ thiên, Thiên đô chiếu, Bình Ngô đại cáo...)



❖ Tác giả:

- ✓ Nho - Phật - Đạo, Tam giáo đồng nguyên
- ✓ Nho Pháp tinh dụng
- ✓ không chuyên nghiệp
- ✓ ...

❖ Loại thể: văn - sử - triết bất phân

❖ Tác phẩm (câu chữ, hình ảnh...)

遷都詔

皇越文選卷之五

存庵家藏

詔制冊

徙都昇龍詔

李文

李太祖順天元年庚戌以丁黎舊都華閭城狹隘降
手詔徙都大羅城及御舟泊城下有黃龍之瑞因改
其城曰昇龍

昔商家至盤庚五遷周室逮成王三徙豈三代之數君徇于
已私妄自遷徙以其圖大宅中爲億萬世子孫之計上謹天
命下因民志苟有便輟改故國祚延長風俗富阜而丁黎二
家乃徇己私忽天命罔蹈商周之迹當安厥邑于茲致世代

皇越文選

卷之五

存庵家藏

弗長筭數短促百姓耗損萬物失宜朕甚痛之不得不徙况
高王故都大羅城宅天地區域之中得龍蟠虎踞之勢正南
北東西之位便江山向背之宜其地廣而坦平厥土高而爽
塹民居後昏墊之困萬物極繁阜之豐遍覽越邦斯爲勝地
誠四方輻輳之要會爲萬世帝王之上都朕欲因此地利以
定厥居

- ❖ **Xưa** nhà Thương đến đời Bàn Canh 5 lần dời đô, nhà Chu đến đời Thành Vương 3 lần dời đô, há phải các vua thời Tam Đại ấy theo ý riêng tự tiện dời đô. Làm như thế cốt để **mưu nghiệp lớn**, chọn ở chỗ giữa, **làm kế cho con cháu muôn vạn đời**, trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên **vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh**.
- ❖ Thế mà 2 nhà **Đinh, Lê** lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ Thương Chu... đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp...
- ❖ Huống chi thành Đại La..., ở vào nơi **trung tâm trời đất**, được **thế rồng cuộn hổ ngồi**, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng.... Xem khắp nước Việt, đó là nơi **thắng địa**, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi **thượng đô kinh sư mãi muôn đời**.
- ❖ Trăm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?
(*dĩ định quyết cư*)

2. Tính chất bác học, cao quý

❖ **Bác học:**

- ✓ Học rộng, biết nhiều, chủ yếu là những thứ liên quan đến kinh điển Nho giáo (VD: Lê Quý Đôn: “quần thư khảo biện”)

⇒ *lực lượng sáng tác trùng khớp với tầng lớp trí thức*

❖ **Cao quý:**

- ✓ Văn chương ko nói chuyện đời thường, bản năng; văn chương chỉ nói chuyện quốc gia đại sự, mô hình XH, tu dưỡng đạo đức...
 - Chức năng văn học: chân – thiện – mỹ - dự báo
 - Chức năng giáo hóa (dĩ văn giáo hóa, văn trị giáo hóa)
 - Tuyển chọn người tài – đức => văn chương nói chí, đạo lí
 - Quá trình sáng tạo và thưởng thức
 - Sùng thượng chữ nghĩa, người có học

3. Tính song ngữ và sự song hành của hai hệ thống thể loại

- ❖ **Chữ Hán:** thơ, phú, cáo, chiếu, biểu, truyện ký... => nỗ lực theo khuôn mẫu Trung Quốc
- ❖ **Chữ Nôm:** thơ, phú, truyện Nôm, ngâm khúc, hát nói... => kiên trì tìm kiếm, tạo được ngôn ngữ - hệ thống thể loại mới

Khi nghiên cứu VHTĐ:

- ✓ đặt VHVN trong bối cảnh **VH Đông Á**
- ✓ tư duy **so sánh** bộ phận văn học **chữ Nôm – chữ Hán** của cùng một tác giả, giữa các tác giả, các thời kỳ, các thể loại...

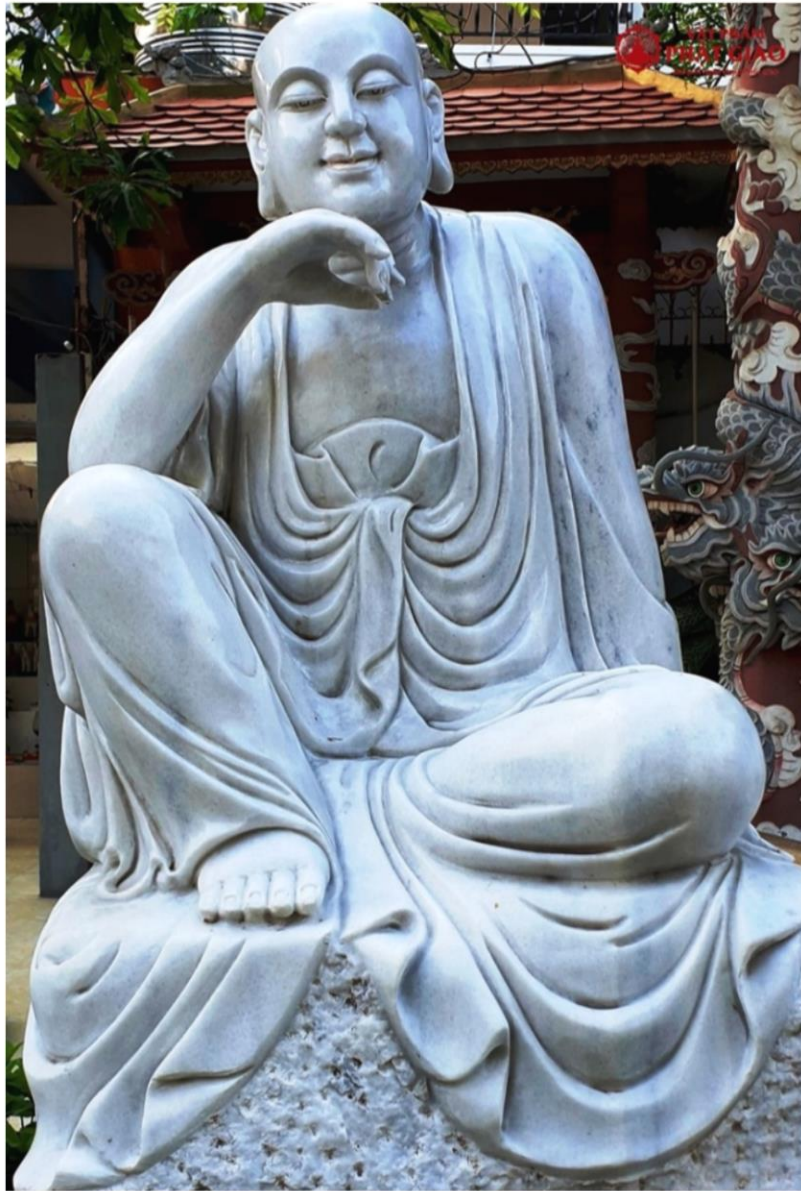
4. Tính ước lệ, sùng cổ

❖ Ước lệ:

- ✓ Ngoại hình: khuôn trắng, lá liễu, râu hùm hàm én, quân tử - người trí dũng, chững chạc; vai năm thước rộng, thân mười thước cao, mặt trắng - diện mạo đẹp đẽ, tính cách trầm tĩnh, mặt mốc - nịnh; mặt lưỡi cày - người đoán hậu, nhất gan...
- ✓ Thiên nhiên
- ✓ Điêu khắc
- ✓ ...







- **Sùng cổ, tập cổ:**

- Diễn tích, diễn cố
- Thuật nhi bất tác

*Phú quý bao nhiêu người thế gian/
Mơ mơ bằng thuở giấc Hòe an
(Nguyễn Trãi)*

Giấc hòe an – Nam Kha ký

Trải qua một cuộc bể dâu (ND)

thương hải tang điền

*Trước sau nào thấy bóng người/
Hoa đào năm ngoái còn cười gió
đông
(ND)*

Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ?
Đào hoa y cựu tiếu đông phong
(Thôi Hộ)

KẾT LUẬN

- Văn học trung đại là khái niệm để chỉ những tác phẩm văn học viết, được sáng tác bằng chữ Hán – chữ Nôm trong giai đoạn thế kỷ X-XIX, gắn liền với các thời kỳ quốc gia phong kiến Đại Việt. Không gian văn học song hành cùng sự mở rộng không gian lãnh thổ quốc gia.
- VHTĐ không ra đời trên cơ sở VHDG. VHDG chỉ tác động đến VHTĐ ở giai đoạn phát triển, góp phần hình thành nên những thể loại nội sinh mang bản sắc dân tộc.
- VHTĐ có các đặc trưng cơ bản, gắn liền với tư duy phương Đông cổ đại: tính nguyên hợp, tính bác học cao quý, tính ước lệ sùng cổ, tính song ngữ với sự song hành của 2 hệ thống thể loại.
- Việc phân kỳ VHTĐ chỉ mang tính chất tương đối.